

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **91/2024/HSST**
Ngày 06 tháng 12 năm 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN PHÚ, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phong Phi

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Võ Hoàng Nghiệp

Ông Ngô Văn Thi

Thư ký phiên tòa: Bà Triệu Thị Bình – Thư ký Toà án nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Vĩnh Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện An Phú đưa ra xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 89/2024/TLST - HS ngày 08 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 330/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2024 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh ngày 07/4/1988, Nơi ĐKKHKT: Ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Hòa hảo; Trình độ văn hóa: Không biết chữ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Cha: Phạm Văn Tấn, sinh năm 1967, Mẹ: Huỳnh Thị Nhung, sinh năm 1967. Có vợ là Nguyễn Thị Bích Tuyền, sinh năm 1997 và có 01 con sinh năm 2023,

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 27/8/2024 cho đến nay tại Nhà tạm giữ - Công an huyện An Phú.

Những người tham gia phiên tòa:

Bị cáo: Phạm Văn T, sinh năm: 1988, Nơi ĐKKHKT: Ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị hại: Bà Nguyễn Thị Bích Tuyền, sinh năm 1997; nơi cư trú: Ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Người làm chứng:

1. Ông Nguyễn Văn Dũng, sinh năm 1983; nơi cư trú: Ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

2. Bà Lê Thị Sal, sinh năm 1962; nơi cư trú: Ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

3. Trần Xuân Tình, sinh ngày 07/8/2011; nơi cư trú: Ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Đại diện theo pháp luật của Trần Xuân Tình: Bà Nguyễn Thị Bích Tuyền, sinh năm 1997; nơi cư trú: Ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang.

Bị cáo và bị hại và người làm chứng có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Văn T, chung sống như vợ chồng với Nguyễn Thị Bích Tuyền tại ấp An Hòa, xã Khánh An, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Quá trình sinh sống, T và Tuyền xảy ra mâu thuẫn ghen tuông nên ngày 09/6/2024, Tuyền bỏ nhà đi đến nhà mẹ ruột (cách nhà Tuyền khoảng 30m) để ở.

Đến khoảng 06 giờ 30 phút ngày 10/6/2024, Tuyền về nhà bé con chung của T và Tuyền đưa đến nhà anh ruột cách nhà Tuyền khoảng 30m để cho ăn cháo. Lúc này, T cầm bình giữ nhiệt bên trong có chứa nước vừa được đun sôi mang từ nhà đến gặp Tuyền, mục đích đưa cho Tuyền để lau mình cho con. Do Tuyền không đồng ý, nên T tự đổ $\frac{1}{2}$ nước đun sôi trong bình ra để pha với nước lạnh. Lúc này, T yêu cầu Tuyền về nhà sống chung, nhưng Tuyền không đồng ý mà còn đuổi T về và nói sẽ không sống chung với T nữa. T nghe xong, tức giận, liền tiến lại gần Tuyền, dùng tay phải nắm tóc của Tuyền kéo ngược về sau, tay còn lại cầm bình giữ nhiệt bên trong chứa nước đun sôi đổ vào vùng đầu của Tuyền, làm nước trong bình rơi trúng vào vùng mặt, vai, tay của Tuyền gây bỏng nặng. Sau đó, Tuyền được gia đình đưa đến Bệnh viện đa khoa khu vực tỉnh tại thành phố Châu đốc điều trị, đến ngày 18/6/2024 ra viện.

Ngày 13/6/2024, Nguyễn Thị Bích Tuyền có đơn yêu cầu xử lý hình sự đối với Phạm Văn T có hành vi cố ý gây thương tích cho Tuyền.

Căn cứ Kết luận giám định tổn thương cơ thể trên người sống số: 467/KLTTCT-TTPY ngày 10/7/2024 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế tỉnh An Giang kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể do tất cả thương tích gây nên của Nguyễn Thị Bích Tuyền là 20%, tất cả thương tích đều do bỏng nhiệt gây nên, gồm các thương tích:

- Sẹo bỏng độ I - II vùng đầu, mặt gây rối loạn sắc tố ảnh hưởng thẩm mỹ, diện tích chiếm 02% diện tích cơ thể.

- Sẹo bỏng độ I - II cánh tay trái gây rối loạn sắc tố ảnh hưởng đến thẩm mỹ, diện tích chiếm 01% diện tích cơ thể.

- Sẹo bỏng độ I - II mặt lưng bàn tay trái không ảnh hưởng đến điều tiết và thẩm mỹ, diện tích chiếm 01% diện tích cơ thể.

- Sẹo bỏng độ I - II cẳng tay phải không ảnh hưởng đến điều tiết và thẩm mỹ, diện tích chiếm 01% diện tích cơ thể.

- Sẹo bỏng độ I - II cánh tay phải gây rối loạn sắc tố ảnh hưởng đến thẩm mỹ, diện tích chiếm 01% diện tích cơ thể..

Căn cứ Công văn số 41/Tlo-TTPY ngày 28/8/2024 của Trung tâm pháp y tỉnh An Giang: Mức độ nhiệt tới hạn thiệt hại cho mô tế bào da là từ 45⁰C trở lên; ở nhiệt độ từ khoảng 60- 70⁰C trở lên mô tế bào da bị hoại tử. Tổn thương bỏng còn phụ thuộc vào độ dày mỏng của da, da phụ nữ mỏng hơn da nam giới.

Ngày 22/8/2024, Phạm Văn T bị khởi tố để điều tra.

Tại Bản Cáo trạng số 84/CT-VKSAP-HS ngày 08/11/2024 Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú đã truy tố Phạm Văn T về tội “*Cố ý gây thương tích*” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận hành vi như nội dung cáo trạng đã nêu. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trình bày phù hợp nội dung vụ án.

Bị hại trình bày: Rút yêu cầu xử lý hình sự và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố Nhà nước tại phiên tòa phát biểu lời luận tội đối với hành vi phạm tội của bị cáo và giữ nguyên truy tố như Cáo trạng.

Căn cứ vào tính chất của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự: Xử phạt bị cáo mức án từ 02 đến 03 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không yêu cầu bồi thường nên đề nghị không đề cập xem xét giải quyết.

Về vật chứng của vụ án: Đề nghị áp dụng các Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bình giữ nhiệt màu đen, dung tích 1.500ml, không có nắp, đã qua sử dụng.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Trong lời nói sau cùng bị cáo xin hội đồng xét xử, xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về thủ tục:

Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện An Phú, tỉnh An Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện An Phú, tỉnh An Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng: Bị cáo, bị hại và người làm chứng đều có mặt tại phiên tòa.

[3] Xét về tính chất vụ án: Bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hành vi gây thương tích cho bị hại Nguyễn Thị Bích Tuyền 20% là xâm phạm quyền bất khả xâm phạm sức khỏe của người khác nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện thông qua cách thức bị cáo thực hiện hành vi. Vì vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” với tình tiết định khung cấu thành tăng nặng gây thương tích cho bị hại với tỷ lệ thương tật 11% đến 30% được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác. Bên cạnh đó, lời khai của bị cáo còn phù hợp với kết luận giám định pháp y về thương tích; biên bản khám nghiệm hiện trường; bản ảnh hiện trường; lời khai bị hại; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng những tài liệu, chứng cứ khác đã được Cơ quan điều tra thu thập và được kiểm chứng tại phiên tòa.

Bên cạnh đó, lời khai của bị cáo còn phù hợp với các lời khai của bị hại, người làm chứng, kết quả mô tả vật chứng, kết quả thực nghiệm điều tra các vật chứng bị thu giữ 01 (một) bình giữ nhiệt màu đen, dung tích 1.500ml, không có nắp, đã qua sử dụng do bị cáo T dùng để đổ nước đun sôi vào người bị hại Tuyền.

Từ những lời khai và chứng cứ nêu trên đủ cơ sở xác định thương tích của bị hại là do bị cáo T gây ra. Bị cáo thực hiện với lỗi cố ý trực tiếp, thỏa mãn dấu hiệu về mặt khách quan của tội: “*Cố ý gây thương tích*”, tội danh và hình phạt được quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự.

Từ những phân tích trên cho thấy Cáo trạng mà Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[4] Xét về nhân thân:

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong giai đoạn điều tra và tại phiên tòa hôm nay bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ thái độ ăn năn hối cải; xuất thân từ thành phần lao động, không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế; bị cáo không có tiền án, tiền sự. người bị hại có đơn rút yêu cầu khởi tố vụ án hình sự, bị hại là vợ bị cáo yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, để về chăm sóc con cái và nuôi gia đình vì bị cáo là lao động chính trong gia đình. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Về hình phạt:

Bị cáo đứng trước phiên tòa hôm nay là người đủ tuổi chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo ý thức được việc đổ nước sôi gây thương tích cho bị hại, hậu quả của hành vi đó là thương tích 20% đối với bị hại Tuyền.

Xét thấy hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm sức khỏe của người khác, gây mất an ninh trật tự ở địa phương. Hành vi của bị cáo thể hiện xem thường pháp luật, hậu quả xảy ra do hành vi của bị cáo đối với bị hại đã đủ yếu tố cấu thành tội cố ý gây thương tích được quy định tại điểm đ, khoản 2 Điều 134 Bộ luật hình sự 2015. Do đó cần có mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả do hành vi của bị cáo đã thực hiện, để giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội và răn đe, phòng ngừa chung trong tội phạm.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên không đề cập xem xét giải quyết.

[7] Về xử lý vật chứng: Chấp nhận theo đề nghị của Viện kiểm sát.

[8] Về quyền kháng cáo và án phí:

Bị cáo, bị hại và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “*Cố ý gây thương tích*” quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự.

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự:

Xử phạt: Bị cáo Phạm Văn T **02 (hai) năm tù**, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 27/8/2024.

Căn cứ vào các Điều 46, Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự;

Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) bình giữ nhiệt màu đen, dung tích 1.500ml, không có nắp, đã qua sử dụng.

(Hiện trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng ngày 29/11/2024 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện An Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Phú).

Căn cứ Điều 106; Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Căn cứ khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Về án phí: Bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Căn cứ Điều 331, Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015;

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (06/12/2024), bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh An Giang xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng thời hạn kháng cáo của người vắng mặt là 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt hoặc niêm yết bản án tại nơi cư trú.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh An Giang (01);
- VKSND huyện An Phú (02);
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang (01);
- Sở Tư pháp tỉnh An Giang (01);
- Nhà Tạm giữ (01);
- Thi hành án DS huyện (01);
- Bộ phận THAHS Tòa án (01);
- UBND cấp xã nơi BC cư trú (01);
- Người bị hại, liên quan (nếu có);
- Lưu hồ sơ vụ án (01);
- Lưu văn phòng (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Phong Phi